TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2023/TLST–HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú: Số B, Quốc lộ E, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; hiện cư trú tại: Nhà số B đường C, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1976, cư trú tại: Số B, Quốc lộ E, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày: Bà và ông Lê Văn A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2018. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm sống, tính cách nên thường hay cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng yêu thương nhau; bên cạnh đó ông A không có trách nhiệm trong việc chăm lo cho gia đình. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2023 vợ chồng bà chính thức sống ly thân. Nay bà thấy cuộc hôn nhân của bà không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A. Về con chung: bà và ông A có 02 người con chung là Lê Thị Thúy V, sinh ngày 02/01/2000 và Lê Thị Thúy V1, sinh ngày 28/01/2006, các con hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thúy V1, bà không yêu cầu ông A cấp

dưỡng nuôi con chung. Còn con chung tên Lê Thị Thúy V, đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Lê Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2018 đúng với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 3 năm 2023. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông A tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông A vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Còn bà T kiên quyết ly hôn với ông A. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông A.

[4] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông A có 02 người con chung là Lê Thị Thúy V, sinh ngày 02/01/2000 và Lê Thị Thúy V1, sinh ngày 28/01/2006. Đối với con chung Lê Thị Thúy V, đã trưởng thành, bà T không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xét đến. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Thúy V1, ông A không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T. Xét thấy, con chung Lê Thị Thúy V1 hiện đang sống với bà T, được bà T chăm sóc và có cuộc sống ổn định, đồng thời con chung Lê Thị Thúy V1 cũng có nguyện vọng muốn được sống với bà T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Thúy V1. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày bà và ông A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông A không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T đối với bị đơn ông Lê Văn A.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim T và ông Lê Văn A.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Thúy V1, sinh ngày 28/01/2006. Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu ông Lê Văn A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011849 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện C (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2018);
- Lưu: VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Minh Hiệp